

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ

Đến tháng 07 năm 2026

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Bệnh viện Nhi Hải Phòng
2. Địa chỉ: Phố Việt Đức, Phường Kiến An, Thành phố Hải Phòng
3. Thời gian làm việc hằng ngày của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: 24 giờ/24 giờ; 7 ngày/tuần
4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	Ban giám đốc						
001	Bùi Văn Chiến	003816/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Chủ tịch Hội đồng quản lý		Hành nghề tại khoa Ngoại tổng hợp
002	Trần Minh Cảnh	001802/HP-CCHN 773/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi/ KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Quyền Giám đốc; Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật		Hành nghề tại khoa Ngoại tổng hợp
003	Trần Thị Ngọc Hòa	000354/HP-CCHN 387/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi; KB, CB CK Ung thư	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó giám đốc; Phụ trách khoa Nội tổng hợp		Hành nghề tại khoa Nội tổng hợp
	Khoa Hô hấp - Mã khoa K18.2						
004	Hoàng Ngọc Anh	000234/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
005	Nguyễn Khánh Ly	012303/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
006	Nguyễn Văn Dũng	013186/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
007	Phạm Văn Thanh	008267/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
008	Vũ Thị Hương	000302/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
009	Phạm Thị Ngọc Ánh	000306/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
010	Đỗ Thị Thanh Huyền	009417/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
011	Lưu Thị Thanh Loan	003252/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
012	Tạ Thị Hồng Loan	005070/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
013	Nguyễn Thị Hương Giang	005075/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
014	Nguyễn Thị Thắm	009427/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
015	Trần Thị Thu Thủy	006749/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
016	Đào Thị Lệ Chi	008542/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
017	Nguyễn Thị Thu Hưng	000904/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
018	Hoàng Minh Châu	000917/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
019	Trương Mạnh Quyền	001787/HP-CCHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Tim mạch - Lồng ngực - Mã khoa K18.5						
020	Dương Văn Đoàn	001048/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		
021	Đỗ Thị Ngọc Mai	010968/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
022	Nguyễn Thị Thủy	012300/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
023	Phạm Đức Kiên	012768/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
024	Hàn Ngọc Tùng	012952/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
025	Nguyễn Thu Phương	000827/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
026	Quản Thị Xuân	000822/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
027	Nguyễn Thị Hạnh	003763/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
028	Nguyễn Thị Thơm	004387/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
029	Phạm Thị Lan Anh	006747/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
030	Phùng Thị Minh	005082/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
031	Đồng Thị Hằng	008305/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
032	Bùi Thị Hương	005053/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
033	Nguyễn Thị Ánh	009430/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
034	Nguyễn Thị Hương	009431/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
035	Vũ Thị Trang	009435/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
036	Hoàng Thị Ngọc Bích	009416/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
037	Đinh Thị Tính	001287/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
038	Nguyễn Thùy Linh	002040/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Ngoại Chấn thương - Mã khoa K18.7						

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
039	Đặng Quốc Hùng	005055/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Trưởng khoa		
040	Vương Hữu Trung	000148/HP-CCHN 1270/QĐ-SYT	Phòng khám CK RHM; KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
041	Nguyễn Quang Hiếu	005520/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Phó trưởng khoa		
042	Đỗ Văn Cường	010464/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
043	Vũ Quốc Hiệu	012734/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
044	Nguyễn Văn Quang	000882/HP-GPHN	Chuyên khoa Ngoại khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
045	Phạm Thị Nhung	000482/HP-GPHN	Chuyên khoa Ngoại khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
046	Đặng Thị Nguyệt	002635/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
047	Phan Thị Ngọc	003484/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
048	Nguyễn Quốc Dương	005049/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
049	Bùi Thị Thảo	007260/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
050	Trần Thị Huệ	005059/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
051	Quách Thị Kiều Oanh	005048/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
052	Nguyễn Thị Phương	008307/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
053	Đặng Thị Chang	008298/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
054	Trịnh Thị Phương Chi	008258/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
055	Đinh Văn Đạt	009432/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
056	Nguyễn Thị Thanh Trà	009463/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
057	Nguyễn Văn Mạnh	009461/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
058	Đào Thị Huyền	008296/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Ngoại Tổng hợp - Mã khoa K18.6						
059	Nguyễn Mạnh Toàn	003277/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa, phụ trách khoa		
060	Nguyễn Minh Hải	008261/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
061	Nguyễn Quốc Khánh	008568/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
062	Bùi Quốc Vượng	010463/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
063	Nguyễn Minh Tiến	013256/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
064	Phan Thị Lan	000884/HP-GPHN	Chuyên khoa Ngoại khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
065	Hà Văn Trường	002636/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
066	Quảng Văn Diện	002640/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
067	Nguyễn Thùy Trang	000301/HP-GPHN	Chuyên khoa Ngoại khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
068	Phạm Thị Thu Hà	003263/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
069	Trần Thị Thu Hiền	003264/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
070	Trần Thị Huyền Trang	003262/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
071	Vũ Thị Thái Hà	009467/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
072	Lê Thị Hiền	009465/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
073	Trần Tuấn Anh	006732/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
074	Lê Thị Thu Hường	005054/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
075	Nguyễn Thị Ngoan	008271/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
076	Trần Đức Quyết	012313/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
077	Trần Thị Nhung	005516/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
078	Lưu Thị Thùy Dương	007182/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Tai - Mũi - Họng - Mã khoa K18.9						
079	Nguyễn Mạnh Tùng	003625/HP-CCHN	KB, CB CK Tai - Mũi - Họng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa, phụ trách khoa		
080	Nguyễn Xuân Thủy	001530/HP-CCHN	KB, CB CK Tai - Mũi - Họng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
081	Trần Thị Liệu	010302/HP-CCHN	KB, CB CK Tai - Mũi - Họng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
082	Nguyễn Quang Trường	010335/HP-CCHN	KB, CB CK Tai - Mũi - Họng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
083	Ngô Văn Quân	010917/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi; CK GMHS	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
084	Đặng Việt Linh	011169/HP-CCHN	Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường, xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
085	Đặng Thúy Hằng	001448/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
086	Đỗ Thị Trang	006731/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
087	Hoàng Thị Khánh	002628/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
088	Bùi Công Sơn	009433/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
089	Đặng Thị Diệu	005031/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
090	Lê Thị Thu Hà	008289/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
091	Nguyễn Thị Hiệp	008297/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
092	Nguyễn Thị Ngân	000859/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
093	Đỗ Thị Hương	003260/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
094	Nguyễn Thị Vân	007259/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
095	Vũ Thị Yên	003247/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Răng Hàm Mặt - Mắt - Mã khoa K18.11						
096	Nguyễn Thị Lan Hương	000572/HP-CCHN	KB, CB CK Mắt	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa, phụ trách khoa		
097	Vũ Thùy Trang	010970/HP-CCHN	KB, CB CK Răng hàm mặt	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
098	Phạm Văn Liệu	0012525/BYT-CCHN	KB, CB CK Răng hàm mặt	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị	Người chịu TNCM PK CK RHM từ 17g30-20g	

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
099	Nguyễn Thị Lan Phương	012324/HP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
100	Nguyễn Thị Thu Hường	000329/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
101	Phạm Thị Ngân	005062/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
102	Phạm Mai Hương	005079/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
103	Hoàng Thị Dường	005080/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
104	Nguyễn Minh Thắng	008314/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Bệnh nhiệt đới - Mã khoa K18.4						
105	Hoàng Sơn	000334/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		
106	Nguyễn Thị Phương	008535/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
107	Bùi Văn Kiên	000287/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
108	Đỗ Thị Hảo	000885/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
109	Phạm Thị Nga	005518/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
110	Bùi Thị Thu Vân	005517/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
111	Đào Thị Phương Anh	005514/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
112	Nguyễn Thị Hà Thủy	005513/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
113	Nguyễn Thị Ngọc Phương	008292/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
114	Phạm Thị Dịu	008272/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
115	Phan Thị Dịu	001862/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
116	Lưu Thị Thúy Lan	001584/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
117	Phạm Thị Tọ	002654/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
118	Lưu Đình Cúc Phượng	008586/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
119	Nguyễn Hồng Nhung	010104/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Tiêu hóa - Mã khoa K18.3						
120	Đỗ Thị Quỳnh Mai	000093/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa, phụ trách khoa		
121	Phạm Thị Trang	012309/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
122	Nguyễn Thị Hương	012304/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
123	Bàng Thị Hồng Liên	013187/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
124	Nguyễn Đức Thuận	000288/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
125	Đoàn Duy Thành	000923/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
126	Nguyễn Thị Kim Nhung	002650/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
127	Nguyễn Thị Thúy	008315/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
128	Cao Thị Minh	009470/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
129	Trần Thị Hạnh	009459/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
130	Phạm Khánh Huyền	010976/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
131	Bùi Thị Hà	008540/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
132	Mai Thị Thu Phương	002653/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
133	Vũ Thị Hương Lan	011393/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
134	Vũ Thị Minh Thùy	009476/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
135	Nguyễn Thị Hiền	008588/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
136	Phạm Thị Thương	005071/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
137	Vũ Thị Minh Hà	002892/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
138	Vũ Đình Phúc	001783/HP-CCHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Gây mê hồi sức - Mã khoa K18.8						
139	Nguyễn Thị Ngọc Hà	001382/HP-CCHN 997/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi/ KB, CB CK GMHS	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa, phụ trách khoa		
140	Phạm Duy Thanh	002667/HP-CCHN 1339/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi/ CK GMHS	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
141	Phan Thị Hoài Nam	006728/HP-CCHN	CK Gây mê hồi sức	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
142	Nguyễn Thị Hằng	012306/HP-CCHN; 3742/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi; Chuyên khoa Gây mê hồi sức	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
143	Bùi Thị Dung	012310/HP-CCHN; 3803/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi; Chuyên khoa Gây mê hồi sức	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
144	Phùng Thị Thu Hương	001383/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 KTV Gây mê hồi sức	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng/KTV GNHS		
145	Vũ Diệu Thúy	001883/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 KTV Gây mê hồi sức	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng/ KTV gây mê		
146	Nguyễn Thị Như Hoa	001880/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 KTV Gây mê hồi sức	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng/ KTV gây mê		
147	Phạm Thị Kim Liên	003265/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
148	Nguyễn Thị Liệu	006741/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
149	Đỗ Văn Tuyên	003498/HP-CCHN	Thực hiện kỹ thuật Gây mê hồi sức	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV Gây mê hồi sức		
150	Trần Thị Hoài Châu	003491/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
151	Vũ Thu Hương	006742/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
152	Nguyễn Việt Hoàng	006743/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
153	Đỗ Thị Hương	001885/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
154	Vũ Hoàng Thắng	009595/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
155	Bùi Thị Hường	008538/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
156	Nguyễn Thị Nhung	009441/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
157	Đào Thị Nguyên	009471/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		



Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc - Mã khoa K48K49						
158	Vũ Hữu Quyền	000060/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		
159	Trần Văn Lân	006724/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
160	Vũ Hữu Hiệu	010967/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
161	Trịnh Huy Hải	012301/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
162	Nguyễn Thị Thùy Dương	013369/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
163	Nguyễn Đình Hiệu	000284/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
164	Trương Văn Minh	000305/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
165	Linh Văn Hiếu	000819/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
166	Đỗ Quang Trường	000286/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
167	Đàm Quốc Hùng	001913/HP-CCHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Bác sỹ		
168	Nguyễn Thị Ngân	000883/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
169	Vũ Thị Lan Anh	002634/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
170	Nguyễn Thị Bích Thủy	001879/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
171	Nguyễn Thị Kim Dung	008269/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
172	Nguyễn Thị Huyền Trang	008280/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
173	Vũ Thị Oanh	005034/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
174	Trần Thị Hồng Vân	008279/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
175	Trần Thị Như Trang	008268/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
176	Trương Thị Nam	008290/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
177	Lê Thị Năm	008278/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
178	Vũ Thị Thà	008308/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
179	Đỗ Thị Huyền Trang	009443/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
180	Phạm Văn Ninh	009447/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
181	Trần Đức Quý	009446/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
182	Nguyễn Văn Quảng	009469/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
183	Đoàn Thị Khánh Linh	012144/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
184	Nguyễn Thị Thanh Vân	005793/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
185	Đinh Đức Cảnh	009468/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
186	Lã Thị Duyên	003274/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
187	Nguyễn Anh Thơ	009591/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
188	Vũ Thị Liên	007251/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
189	Đỗ Thị Thúy	002659/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
190	Ngô Thị Thu Hà	0026161/BYT-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
191	Nguyễn Thị Tươi	001031/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
192	Đỗ Thị Phương Mai	013429/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
193	Nguyễn Ngọc Tuyết	013426/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
194	Nguyễn Thị Thảo	006736/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
195	Phạm Hương Giang	000256/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
196	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	000858/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
197	Phạm Thị Hạnh	010202/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
198	Đỗ Mai Anh	001800/HP-CCHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	CD ĐD		
199	Lê Thùy Linh	001881/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
200	Đào Thị Hoa	006733/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
201	Vũ Văn Hiên	010318/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
202	Đặng Thị Thu	009453/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
203	Mai Thị Huyền Trang	008302/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
204	Lê Thị Thơ	000858/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
205	Đào Thị Ngân	005294/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
206	Trần Thị Minh An	009479/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
207	Nguyễn Thị Phương Linh	010727/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
208	Phạm Thị Dung	003268/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
209	Bùi Thu Thủy	005512/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
210	Phạm Thị Yến	007265/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	Khoa Sơ sinh - Mã khoa K18.1						
211	Vũ Đình Mai	007242/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
212	Vũ Thị Huyền	007244/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
213	Nguyễn Thị Hương	010457/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
214	Trần Thị Hoa	002641/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
215	Nguyễn Thị Thắng	002629/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
216	Nguyễn Thị Thúy	005045/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
217	Nguyễn Thùy Dung	008312/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
218	Lương Thị Thảo	009589/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
219	Nguyễn Thị Thu Yến	009448/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
220	Phạm Văn Thanh	009586/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
221	Trần Thị Yến	005037/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
222	Vũ Thị Hương	005081/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
223	Mai Thị Thùy Nhung	009449/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
224	Trần Thị Lệ Quyên	005052/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
225	Phạm Mai Phương	009580/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
226	Bùi Đức Hữu	005795/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Điều trị tự nguyện A - Mã khoa K18.13						

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
227	Vũ Duy Hưng	001098/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		
228	Ngô Thanh Huynh	000840/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
229	Nguyễn Thị Xuân	010969/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
230	Đặng Thị Thuyết	000832/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
231	Trần Minh Hạnh	001495/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
232	Nguyễn Phương Chi	002637/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
233	Trần Thị Uyên	001096/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
234	Dương Thị Thủy	007249/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
235	Vũ Thị Ngát	008641/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
236	Phạm Thị Xanh	009422/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
237	Nguyễn Thị Như Quỳnh	000260/HD-CCHN	Thực hiện việc tiêm (chích), thay băng theo đơn của bác sỹ	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
238	Phạm Thị Xiêm	007253/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
239	Nguyễn Thị Thanh Hoa	003248/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
240	Đỗ Thị Hương	005040/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
241	Đào Thị Hà	008288/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
242	Phạm Thị Thu Hiền	009598/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
243	Mai Thị Thu Thúy	009596/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
244	Hoàng Thị Yến	005519/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
245	Đỗ Thị Hiền	012312/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
246	Nguyễn Thị Xuyến	012985/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
	Khoa Điều trị tự nguyện B - Mã khoa K18.14						
247	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	001097/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		
248	Bùi Mẫn Nguyên	006725/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
249	Nguyễn Thị Ngọc Yến	000041/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng phòng		
250	Bùi Thị Thu Hiền	007971/HNO-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
251	Vũ Thị Phương	000484/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
252	Lài Thị Thùy	013003/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
253	Vũ Văn Việt	013053/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
254	Phạm Thị Mỹ Duyên	002644/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
255	Vi Thị Mỹ Duyên	002638/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
256	Nguyễn Thị Ngọc Mai	002643/HP-GPHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
257	Nguyễn Thị Thùy Dương	000263/VP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
258	Nguyễn Thị Kim Dung	003254/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
259	Nguyễn Thị Mai	007256/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
260	Phạm Thị Lệ	007248/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
261	Từ Thị Thùy Dương	007247/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
262	Phùng Thị Hạnh	007252/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
263	Đỗ Thị Lan	007255/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
264	Vũ Thị Ngọc	009590/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
265	Vũ Thị Ngọc Lan	009585/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
266	Phạm Thị Non	009437/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
267	Mai Thị Nghĩa	009592/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
268	Nguyễn Thị Kim Phụng	003246/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
269	Bùi Thị Thu Hiền	007246/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
270	Nguyễn Thị Đàm	0001192/QNI-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
271	Nguyễn Thị Như	009464/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
272	Nguyễn Thị Nhung	003076/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
273	Lê Thị Thúy Hiền	001789/HP-CCHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
274	Đào Thị Thanh	000582/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Đơn nguyên Quốc Tế						
275	Nguyễn Bùi Bình	005068/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa, phụ trách khoa		
276	Đào Nguyên Ngọc	009954/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
277	Phạm Đức Toàn	009838/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
278	Phương Thị Bích Hồng	010189/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
279	Nguyễn Thành Công	000285/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
280	Trịnh Thị Giang	000485/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
281	Đào Thị Huyền	000283/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
282	Trần Thị Minh	000820/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
283	Lê Anh Duy	000818/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
284	Nguyễn Thị Hải Linh	000924/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
285	Nguyễn Lệ Quyên	000828/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
286	Vũ Thị Như Thảo	001910/HP-CCHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
287	Trương Thị Thảo	002666/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
288	Trần Thị Thùy Dung	008313/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
289	Nguyễn Thị Hồng Duyên	008304/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
290	Vũ Thị Sim	009424/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
291	Đinh Thị Nhung	008301/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
292	Nguyễn Thị Ngọc Lan	006734/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
293	Đào Thị Ngoan	006735/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
294	Nguyễn Thị Hải Vân	011287/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
295	Đoàn Thị Hằng	008311/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
296	Ngô Thị Phượng	012633/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
297	Đinh Thị Thu Hòa	003764/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
298	Đỗ Thị Thúy Hằng	001882/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
299	Lê Thị Mai	002637/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
300	Phạm Thị Hương Lan	009466/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
301	Phạm Thị Thanh Hoa	002656/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
302	Vũ Thị Thu Giang	007254/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
303	Nguyễn Thị Thoa	009587/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
304	Phạm Thị Thanh Hương	003250/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
305	Đào Thị Hồng	010848/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
306	Đỗ Thị Hạnh	009436/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
307	Nguyễn Thị Thúy	009473/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
308	Nguyễn Thị Mai Anh	002671/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
309	Trần Thị Hoàng Nhung	005035/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
310	Nguyễn Thị Hải Mỹ	003244/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
311	Nguyễn Thị Thùy Chi	002625/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
312	Bùi Thị Quyên	005044/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng phòng		
313	Đào Thị Minh Phương	000892/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng khối		
314	Bùi Thị Hoa	006750/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng phòng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	Khoa Nội tổng hợp - Mã khoa K18.10						
315	Hoàng Thị Vân	008266/HP-CCHN 386/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi; KB, CB CK Ung thư	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
316	Vũ Thị Thảo	010459/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
317	Trịnh Thị Thanh Hương	012311/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
318	Nguyễn Thị Phương Anh	012308/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
319	Hoàng Việt Hưng	000304/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
320	Nguyễn Thị Ánh	000886/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
321	Nguyễn Thị Hương Liễu	002651/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
322	Phạm Thúy Nga	005077/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
323	Ngô Văn Thắng	008286/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
324	Nguyễn Thị Nết	000373/TB-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
325	Trịnh Thị Huyền	008285/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
326	Vũ Thị Hoa	008300/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
327	Nguyễn Thị Thảo	008282/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
328	Hoàng Thị Diễm	008283/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
329	Bùi Thị Hường	005910/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
330	Vũ Hoài Thu	009451/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
331	Nguyễn Thị Mỹ	009450/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
332	Mạc Thị Ngọc Hà	010729/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
333	Hoàng Thị Huyền Trang	006378/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
334	Vũ Thị Huyền Trang	000132/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
335	Lê Thị Hồng Nhung	008589/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa thần kinh - Tâm bệnh - Mã khoa K18.12						
336	Nguyễn Bích Vân	000774/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		
337	Đào Thị Hằng	002627/HP-CCHN 774/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi KB, CB CK Phục hồi chức năng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
338	Phương Đức Huy	010460/HP-CCHN 810/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi KB, CB CK thần kinh	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
339	Nguyễn Thị Vinh	012302/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
340	Bùi Phương Thảo	000303/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
341	Bùi Thị Hoa	001494/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
342	Phạm Thị Thu Hà	005030/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
343	Nguyễn Thị Xuyên	002618/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
344	Nguyễn Thị Phương Anh	008306/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
345	Nguyễn Thị Thu Hương	008310/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
346	Phạm Thị Đào Anh	008281/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
347	Phạm Văn Dũng	009475/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
348	Đỗ Thị Khánh Ly	009418/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
349	Hoàng Thị Thanh Hoa	007163/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
350	Nguyễn Thị Chinh	009452/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
351	Hoàng Thị Nhân	009462/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
352	Bùi Thị Thương	008274/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
353	Phạm Minh Đức	009474/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
354	Nguyễn Thị Huyền	009426/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
355	Trần Thị Bích Vân	001772/HP-CCHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	CĐ ĐD		
	Khoa Y học cổ truyền - Mã khoa K18.15						
356	Vũ Văn Điều	001549/HP-CCHN	KB, CB bằng YHCT/Chuyên khoa phục hồi chức năng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa, phụ trách khoa		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
357	Đỗ Thị Lan	002536/HP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
358	Trần Văn Ca	009167/HP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa/Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
359	Lê Thị Lan Hương	000255/HP-GPHN	Y học cổ truyền	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
360	Nguyễn Thị Thùy Dương	005046/HP-CCHN 1343/QĐ-SYT	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005; Thực hiện kỹ thuật châm cứu, điện châm, xoa bóp, bấm huyệt theo chỉ định của bác sỹ YHCT	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
361	Ngô Thị Mai Trang	008284/HP-CCHN 1344/QĐ-SYT	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005; Thực hiện kỹ thuật về YHCT theo chỉ định của bác sỹ	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Y sỹ/Điều dưỡng		
362	Trần Minh Hiếu	006997/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
363	Lê Thị Thanh Huyền	006498/HP-CCHN	KTV Phục hồi chức năng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV PHCN		
364	Bùi Ngọc Diệp	009477/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
365	Phùng Thu Hường	004982/HP-CCHN	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV PHCN		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
366	Đào Thị Phương	006737/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
367	Nguyễn Thị Thu Thủy	003276/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
368	Nguyễn Tô Loan	002644/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Khám bệnh - Mã khoa K01						
369	Phó Nhật Tân	001314/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		
370	Đinh Thị Phụng	003279/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
371	Nguyễn Công Minh	013185/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
372	Hồ Công Đồng	000379/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
373	Lê Thị Minh Luyện	001512/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng phòng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
374	Nguyễn Thị Hạnh	001317/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
375	Trương Thị Phương	003273/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
376	Phạm Thị Miên	003243/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
377	Lê Thị Lan Anh	003278/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
378	Dương Thị Quyên	008316/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
379	Đỗ Thị Nhung	003272/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
380	Nguyễn Thị Thắm	006748/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
381	Bùi Thị Thúy	006996/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
382	Vũ Thị Oanh	005057/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
383	Đỗ Thị Hà Thu	009434/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Khám bệnh yêu cầu - Mã khoa K01.1						
384	Phạm Thị Hương	002672/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
385	Nguyễn Thị Ánh Hương	002620/HP-GPHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng phòng		
386	Nguyễn Thị Thúy	006727/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
387	Đỗ Thị Hồng Hạnh	001736/HP-CCHN 256/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi; CK Huyết học Truyền máu	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
388	Đỗ Thị Ngọc Anh	011737/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
389	Bùi Thị My	013184/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
390	Lê Thị Ái Linh	010965/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
391	Nguyễn Thị Thanh Loan	001886/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa, phụ trách khoa		
392	Đỗ Thị Bích Liên	002658/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
393	Đồng Thị Thu Huyền	002665/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
394	Nguyễn Thị Thoa	002657/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
395	Đặng Thị Nhân	002630/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
396	Nguyễn Thị Ánh Hồng	009483/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
397	Đoàn Thị Thủy	009423/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
398	Trần Thanh Huyền	009456/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
399	Nguyễn Thị Thúy	009444/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
400	Trần Thị Thu Hiền	009425/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
401	Nguyễn Thị Hương	008587/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
402	Lê Thị Thùy Linh	007250/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
403	Ngô Thị Bích Phương	0002140/BN-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
404	Đỗ Thị Mai Liên	006739/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
405	Ngô Thị Huyền Mai	006745/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
406	Đặng Thị Dung	010726/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
407	Khổng Thị Trang	001032/HP-GPHN	Y học dự phòng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
408	Cao Thị Như Quyên	003837/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
409	Nguyễn Thị Quế	005064/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
410	Nguyễn Thị Nga	008294/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
411	Đào Thị Thanh Thảo	000859/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Hóa sinh - Mã khoa K37						
412	Nguyễn Văn Đức	007241/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
413	Lương Tiến Thuận	0016806/BYT-CCHN 1352/QĐ-SYT	KB, CB CK Ngoại/ CK Xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		
414	Nguyễn Thị Kim Liên	005051/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV XN		
415	Phạm Thị Chăm	007269/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV Trưởng		
416	Phạm Thị Dung	007268/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Xét nghiệm y học cao đẳng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
417	Bùi Thị Giang	007267/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Xét nghiệm y học đại học		
418	Vũ Phương Thảo	002621/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
419	Nguyễn Thị Thu Hường	002615/HP-CCHN	Thực hiện CMKT xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
420	Nguyễn Thị Phương Anh	011291/HP-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân xét nghiệm		
421	Phạm Bạch Dương	012767/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
422	Nguyễn Tấn Dũng	000857/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
423	Lê Thị Thu Hiền	001814/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
	Khoa Huyết học - Mã khoa K36						
424	Vũ Thị Nhàn	002660/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
425	Lê Thị Hạnh Linh	001747/HP-CCHN	Y khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Bác sỹ		
426	Tô Thị Huệ	002626/HP-CCHN	Thực hiện CMKT xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV Trưởng		
427	Trương Thị Hồng Nhung	002227/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
428	Đoàn Thị Hương	003257/HP-CCHN	Thực hiện kỹ thuật xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Kỹ thuật xét nghiệm cao đẳng		
429	Lê Phương Thảo	002156/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Xét nghiệm y học cao đẳng		
430	Phạm Thị Yến	008317/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân xét nghiệm y học		
431	Vũ Trọng Trinh	009482/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Kỹ thuật xét nghiệm cao đẳng		
432	Phạm Thị Hậu	009481/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Kỹ thuật xét nghiệm y học cao đẳng		
433	Nguyễn Thị Phương Thảo	011421/HP-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
434	Dương Thị Diễm Hương	000320/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Kỹ thuật Y		
435	Ngô Thị Chi	002268/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
436	Phạm Phương Loan	001790/HP-CCHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
	Khoa Vi sinh - Mã khoa K38						
437	Đỗ Thị Tuyết	001384/HP-CCHN 2661/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi/ Chuyên khoa xét nghiệm vi sinh	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		
438	Nguyễn Thị Vân	009484/HP-CCHN 265/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi/ Chuyên khoa xét nghiệm vi sinh	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
439	Đỗ Thị Hào	002620/HP-CCHN	Thực hiện CMKT xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV XN		
440	Phạm Thị Hiền	003255/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV XN		
441	Hà Thị Mai Thanh	002285/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Kỹ thuật xét nghiệm y học cao đẳng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
442	Nguyễn Thị Nhiên	008318/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm (Vi sinh)	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV Trưởng		
443	Đào Thị Lan	001829/HP-CCHN	Thực hiện KTCM xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV XN		
444	Nguyễn Thị Thảo	012094/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân Xét nghiệm y học		
445	Lê Thị Chiên	002614/HP-CCHN	Thực hiện CMKT xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV XN		
446	Đào Thị Hạnh	000918/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
447	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	000943/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
448	Đinh Hải Hà	001892/HP-CCHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
	Khoa giải phẫu bệnh - Mã khoa K42						
449	Phạm Kỳ Anh	008219/HP-CCHN	Chuyên khoa Giải phẫu bệnh	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
450	Nguyễn Thị Tuyết	005038/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV Trưởng		
451	Hoàng Thị Lan Anh	005043/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV XN		
452	Nguyễn Thị Ngân	009666/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV XN		
453	Lương Sơn Tùng	009480/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Kỹ thuật viên xét nghiệm cao đẳng		
	Khoa chẩn đoán hình ảnh - Mã khoa K39						
454	Nguyễn Thị Tuyết Nga	003075/HP-CCHN 1353/QĐ-SYT	KB, CB Nội tổng hợp/ KB, CB CK chẩn đoán hình ảnh	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		
455	Lương Văn Duy	009955/HP-CCHN	Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
456	Nguyễn Đức Vượng	000292/HP-GPHN; QĐ 2687/QĐ-SYT	Chuyên khoa nội khoa; Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Bác sỹ		
457	Chu Thị Thảo	013007/HP-CCHN; 2688/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi; Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Bác sỹ		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
458	Nguyễn Thế Hữu	002638/HP-CCHN	Thực hiện CMKT CDHA	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV CDHA		
459	Đào Anh Hoàng	002643/HP-CCHN	Thực hiện CMKT CDHA	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV trưởng		
460	Nguyễn Hoàng Trường	008319/HP-CCHN	KTV CDHA	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV CDHA		
461	Vũ Văn Trọng	005039/HP-CCHN	KTV hình ảnh y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV CDHA		
462	Vũ Văn Tiến	002645/HP-CCHN	Thực hiện CMKT CDHA	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV CDHA		
463	Vũ Quang Thành	007270/HP-CCHN	KTV hình ảnh y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV CDHA		
464	Nguyễn Văn Tuyền	005078/HP-CCHN	KTV hình ảnh y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV CDHA		
465	Nguyễn Văn Thư	004909/HP-CCHN	KTV CDHA	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV CDHA		
466	Nguyễn Duy Thanh	009609/HP-CCHN	KTV hình ảnh y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	KTV CDHA		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
467	Nguyễn Hoàng Phú	007591/HD-CCHN 134/QĐ-SYT	Thực hiện kỹ thuật Xquang KTV chụp cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV CDHA		
468	Nguyễn Anh Quốc	007219/HP-CCHN	KTV hình ảnh y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV CDHA		
Giáo viên Bộ môn Nhi trường Đại học Y Dược Hải Phòng; Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng							
469	Chu Thị Hà	005067/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trục)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Sơ sinh
470	Nguyễn Việt Hà	009583/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trục)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Thần kinh - Tâm bệnh
471	Nguyễn Ngọc Sáng	0022764/BYT-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trục)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Nội tổng hợp
472	Đặng Văn Chức	001429/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trục)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Quốc tế
473	Phạm Thị Ngọc	005066/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trục)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Tiêu hóa
474	Vũ Thị Ánh Hồng	009655/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trục)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Bệnh nhiệt đới
475	Đinh Dương Tùng Anh	007331/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trục)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Hô hấp

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
476	Nguyễn Thị Thúy Hương	012305/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trực)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Hô hấp
477	Phạm Thị Quỳnh Vân	010367/TB-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trực)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Tự nguyên A
478	Đoàn Thị Linh	013199/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trực)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Tim mạch - Lồng ngực
479	Nguyễn Văn Trung	000142/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa HSTC&CD
480	Phạm Minh Thảo	037659/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa RHM-Mắt
481	Lê Thị Thùy Ly	038905/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa RHM-Mắt
482	Phạm Thị Thanh Hà	000697/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Tự nguyên A
483	Phan Thị Thanh Giang	030397/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa RHM-Mắt
484	Đỗ Thúy Hằng	001644/HP-GPHN	Răng Hàm Mặt	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa RHM-Mắt

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
485	Hoàng Thị Thảo	000948/BG-GPHN	Chuyên khoa Nhi	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Bệnh nhiệt đới
486	Triệu Ngọc Thảo	001032/PT-GPHN	Bác sỹ Chuyên khoa Nhi khoa	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Tim mạch - Lồng ngực
487	Phạm Văn Kiên	001922/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa HSTC&CD
488	Lê Thị Huyền Trang	001994/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Nội tổng hợp
489	Trần Hồng Hạnh	0027721/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Tai Mũi Họng
490	Nguyễn Thị Như Quỳnh	002270/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Tự nguyện A

- Số người có CCHN: 490
Trong đó: BS: 169
ĐD: 271
KTV: 50

Hải Phòng, ngày 29 tháng 07 năm 2026

Đại diện cơ sở khám bệnh, chữa bệnh



Q. GIÁM ĐỐC
BSCKII. Trần Minh Cảnh